

Số: /QĐ- UBND

Quảng Hòa, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc giai đoạn 2020-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Chương trình số 08-CTr/HU ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Huyện ủy Quảng Hòa về phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc giai đoạn 2020-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Hải

ĐỀ ÁN

Phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc giai đoạn 2020-2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2021 của UBND huyện)

MỞ ĐẦU**I. SỰ CẦN THIẾT**

Trong những năm qua, ngành nông nghiệp của huyện phát triển tương đối ổn định, năng suất cây trồng hàng năm cơ bản đều tăng, chất lượng đàn gia súc, gia cầm ngày một nâng cao; đảm bảo lương thực tại chỗ; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm như: mía nguyên liệu, thuốc lá, khoai tây, cây ăn quả,...; chăn nuôi phát triển theo hướng tập trung trang trại, gia trại,...

Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan, chủ quan nên sản xuất nông nghiệp còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, phần lớn quy mô sản xuất nhỏ, chất lượng sản phẩm thấp, chủ yếu xuất thô, chưa qua chế biến; chưa có sản phẩm hàng hóa có thương hiệu nổi bật nên hiệu quả và sức cạnh tranh chưa cao; việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất còn hạn chế; hình thức tăng trưởng mới chỉ tạo ra khối lượng nhiều nhưng chất lượng, giá trị thấp; hiệu quả sử dụng đất đai, tài nguyên chưa cao; nông dân vẫn còn nghèo. Nguyên nhân chính là do sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu ổn định và dễ bị ảnh hưởng do thiên tai, dịch bệnh, biến động của thị trường; hình thức liên kết trong sản xuất còn lỏng lẻo, thiếu tính ràng buộc, quy mô, phạm vi liên kết còn ở dạng mô hình.

Trước thực trạng trên, việc xây dựng **“Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc giai đoạn 2020-2025”** là hết sức cần thiết.

II. CĂN CỨ LẬP ĐỀ ÁN

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết số 47/2020/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông địa phương từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Quảng Hòa lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Chương trình số 08-CTr/HU ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Huyện ủy Quảng Hòa về phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc.

Phần I

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2015-2020

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Trồng trọt

Sản xuất trồng trọt có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích, ổn định lương thực tại chỗ. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 50,58 triệu đồng/ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 45.704,8 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 686 kg/người/năm. Một số vùng sản xuất tập trung với các biện pháp thâm canh, ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hoá, đưa giống mới vào sản xuất bước đầu được hình thành và phát triển. Đa số người dân đã mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nên năng suất các loại cây trồng tăng lên. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất đạt trên 70%, trong thu hoạch đạt 50%. Trong năm 2020, diện tích một số cây trồng chính của huyện như: Lúa 3.450 ha; Ngô 6.241,5 ha; Thuốc lá 58,7 ha; Mía 2.281 ha; Sắn 627 ha;...

2. Chăn nuôi, thủy sản

Chăn nuôi từng bước chuyển từ số lượng sang chất lượng, giá trị; phát triển theo hướng trang trại, gia trại an toàn dịch bệnh. Tư duy, tập quán chăn nuôi trâu, bò để làm sức kéo dần được thay đổi sang nuôi thương phẩm. Mô hình nuôi cá lồng, nuôi trâu, bò thương phẩm làm kinh tế ngày càng được người dân quan tâm phát triển; chăn nuôi lợn và chăn nuôi gia cầm theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh đã được nhân dân quan tâm đầu tư và bước đầu có các mô hình đem lại hiệu quả kinh tế cao. Công tác thú y, phòng chống dịch bệnh được tổ chức chặt chẽ góp phần thúc đẩy chăn nuôi phát triển. Tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2020: đàn trâu 20.900 con; đàn bò 5.209 con; đàn lợn 44.074 con; đàn dê 1.988 con; gia cầm 441.618 con. Diện tích nuôi trồng thủy sản 62 ha; nuôi cá lồng bè 81 lồng.

3. Lâm nghiệp

Công tác quản lý, chăm sóc, bảo vệ rừng được thực hiện tốt; việc khoanh nuôi tái sinh, phát triển rừng sản xuất được đẩy mạnh. Trong giai đoạn 2015-2020, toàn huyện trồng mới được 133,5 ha rừng tập trung, trồng 40.000 cây phân tán, chăm sóc rừng trồng 119 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 56,5%.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, diện tích manh mún, việc áp dụng cơ giới vào sản xuất còn hạn chế, nhất là khâu chế biến, bảo quản; tốc độ chuyển dịch nội bộ ngành còn chậm; việc chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang cây trồng khác có hiệu quả hơn còn ít, việc nhân rộng mô hình hiệu quả vào sản xuất chưa nhiều; tỷ trọng, chất lượng hàng hoá nông sản thấp, phần lớn nông sản ở dạng thô, sơ chế, chưa qua chế biến, nên giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh thấp; đặc biệt thiếu liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với doanh nghiệp.

Chăn nuôi quy mô nhỏ, mang tính quảng canh, nuôi tận dụng còn chiếm tỷ lệ lớn; giá thành sản xuất cao, sức cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi trên thị trường thấp; chăn nuôi các đối tượng đặc sản, đặc hữu, giá trị còn ít; thị trường tiêu thụ khó khăn, thiếu bền vững; việc xây dựng các cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh, giết mổ tập trung chưa được chú trọng; liên kết giữa các doanh nghiệp, đầu mối tiêu thụ với các trang trại, gia trại và nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chưa được thực hiện tốt.

Diện tích rừng tuy có tăng, độ che phủ cao nhưng năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế từ rừng còn thấp, chủ yếu là sản phẩm gỗ nhỏ; việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật còn hạn chế; thu nhập của người dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp; người dân có rừng nhưng chưa thể sống được bằng nghề rừng; công nghiệp chế biến gỗ chưa phát triển, sản phẩm gỗ chế biến còn ít.

Các loại hình tổ chức sản xuất nông nghiệp hoạt động hiệu quả chưa cao; các hợp tác xã còn lúng túng trong khâu tổ chức sản xuất, kinh doanh, chưa đa dạng hàng hoá, dịch vụ. Ở nhiều nơi nhất là vùng sâu, vùng xa sản xuất nông nghiệp còn mang nặng tính tự cung, tự cấp, một bộ phận người dân còn trông chờ nhiều vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

2. Nguyên nhân

** Nguyên nhân khách quan*

Xuất phát điểm ngành nông nghiệp của huyện thấp, sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều công trình đầu tư lâu ngày xuống cấp, chưa đảm bảo phục vụ sản xuất, dân sinh; một số công trình thiếu vốn đầu tư; việc huy động vốn cho sản xuất gặp khó khăn, lãi suất vay Ngân hàng tuy giảm nhưng vẫn ở mức cao; doanh nghiệp, nông dân khó tiếp cận vốn vay trung và dài hạn để đầu tư sản xuất.

Giá vật tư đầu vào sản xuất ngày càng tăng, đầu ra sản phẩm nông nghiệp biến động thất thường, một số sản phẩm giá xuống thấp gây ảnh hưởng đến tâm lý người dân, hiệu quả sản xuất chưa cao.

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến phức tạp, thời tiết cực đoan xảy ra cường độ cao, nghiêm trọng gây thiệt hại lớn đến sản xuất nông nghiệp; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi phát sinh ở nhiều địa nơi, diễn biến khó lường, tiềm ẩn nguy cơ bùng phát, lây lan.

** Nguyên nhân chủ quan*

Công tác chỉ đạo, điều hành ở một số xã, thị trấn chưa quyết liệt, đặc biệt chỉ đạo việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng chất lượng, giá trị; chưa có định hướng rõ cây trồng, vật nuôi chủ lực mang tính đột phá, chưa tạo được sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao.

Ngân sách đầu tư cho nông nghiệp, hỗ trợ khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp còn thấp; việc chế biến, bảo quản, quản lý chất lượng nông sản sau thu hoạch, xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thị trường... còn hạn chế.

Tư duy của người dân chậm đổi mới, còn mang nặng tính sản xuất nhỏ, chưa chủ động tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất; đời sống đại bộ phận nông dân còn nghèo, trình độ dân trí không đồng đều, chưa chủ động trong phát triển sản xuất.

Phần II

NỘI DUNG THỰC HIỆN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc, hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, an toàn, hiệu quả và bền vững, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân.

- Phát triển nông nghiệp gắn sản xuất liên kết theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất, gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, an toàn vệ sinh thực phẩm; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, nâng cao chất lượng, giá trị, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

2. Yêu cầu

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Đề án đến các cơ quan, đơn vị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện.

- Trên cơ sở các nội dung của Đề án, cơ quan chuyên môn chủ động tham mưu cho UBND huyện hàng năm xây dựng kế hoạch, lồng ghép các chương trình, dự án để triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả.

- Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Đề án thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện. Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đa gia súc là động lực để thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân, tạo sự ổn định và phát triển bền vững, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy kinh tế-xã hội của huyện phát triển. Đổi mới và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa; tập trung vào cây trồng, vật nuôi đặc sản, đặc hữu hoặc có lợi thế của địa phương với quy mô vừa và lớn, sản phẩm có chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch, áp dụng cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào nông nghiệp; liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân tham gia sản xuất nông nghiệp; phát triển nông nghiệp kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, thúc đẩy các dịch vụ phát triển.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025: Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 3-5%/năm; giá trị sản xuất nông nghiệp đạt trên 55 triệu đồng/ha;

- Về trồng trọt: Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 40.000 tấn; Tập trung thâm canh tăng năng suất gắn với chế biến sâu nâng cao giá trị cây mía, chè...; Trồng mới diện tích cây ăn quả (mít, nhãn, bưởi, trám, na...) đạt trên 500 ha; Phát triển mở rộng các dự án liên kết chuỗi giá trị gắn với bao tiêu sản phẩm như: gừng, nghệ, lạc, khoai tây... Xây dựng mô hình sản xuất mẫu cây dứa, khoai lang tím Nhật Bản và thanh long ruột đỏ từ 10-20 ha/loại năm 2021, hợp đồng liên kết với doanh nghiệp về sản xuất và bao tiêu sản phẩm ổn định, mở rộng diện tích sản xuất đạt 500 ha/loại vào năm 2022 và những năm tiếp theo.

- Về chăn nuôi: Phát triển đàn trâu, bò sinh sản trên địa bàn toàn huyện đạt trên 14.000 con; số trâu, bò thương phẩm xuất bán đạt trên 30.000 con; đàn bò sữa đạt trên 10.000 con.

- Về Thủy sản: Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản tại những nơi có điều kiện thuận lợi; nuôi cá lồng trên sông, lòng hồ, đến năm 2025 phân đầu đạt trên 150 lồng nuôi.

- Về lâm nghiệp: Thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng bổ sung các loại cây lấy gỗ, diện tích đạt 320 ha. Đưa một số cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, phù hợp với địa phương vào trồng tại các xã có điều kiện thuận lợi, diện tích đạt trên 20 ha trở lên.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Tập trung quan tâm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm đặc sản, đặc hữu để phát triển như: Nếp liệu, măng giang, bí hương, khoai môn, khoai lang, bánh nướng, homestay Mr.Kim, chè Đoảng Pán, thạch Mác púp...Phân đầu xây dựng đạt trên 15 sản phẩm 03 sao, 05 sản phẩm 4 sao.

- Thành lập mới trên 15 doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Xây dựng thực hiện các mô hình trình diễn đạt trên 90 mô hình trở lên.

- Thành lập 01 trung tâm dịch vụ, kỹ thuật sản xuất, để chủ động cung ứng giống cây trồng nông lâm nghiệp tại địa phương.

III. ĐỊNH HƯỚNG VÀ NỘI DUNG

1. Định hướng

- Tập trung khai thác và tận dụng tiềm năng, lợi thế nông nghiệp huyện, xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, đạt các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, bảo quản

và tiêu thụ sản phẩm tạo thành chuỗi giá trị đối với các sản phẩm có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, duy trì quy mô và các phương thức sản xuất đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, địa phương. Đổi mới và phát triển hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh.

- Tăng thu nhập cho người sản xuất nông nghiệp trên cơ sở tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình tăng trưởng nông nghiệp thông qua hỗ trợ phát triển sản xuất và giảm nghèo, tăng khả năng tiếp cận thị trường lao động phi nông nghiệp, đa dạng hóa sinh kế cho người dân nông thôn, đảm bảo an ninh lương thực. Phát triển nông nghiệp hướng tới mục tiêu ưu tiên về phúc lợi cho nông dân và người tiêu dùng.

- Giảm tải bất lợi về môi trường do việc khai thác các nguồn lực cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; tăng hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên (đất, nước, rừng) quản lý và sử dụng hiệu quả, an toàn các loại hóa chất, thuốc trừ sâu, chất thải chăn nuôi, công nghiệp chế biến và làng nghề; bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao độ che phủ rừng. Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn môi trường, có cơ chế giám sát để thúc đẩy sản xuất.

2. Nội dung Đề án

2.1. Lĩnh vực trồng trọt

- Cây lúa: Duy trì diện tích sản xuất lúa tại các xã, thị trấn 2.600 ha, đảm bảo an ninh lương thực thực trên địa bàn huyện, quản lý và sử dụng có hiệu quả đất trồng lúa. Thực hiện đầu tư thâm canh tăng năng suất, sử dụng giống mới có năng suất, chất lượng, ứng dụng quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến. Chuyển đổi diện tích đất sản xuất lúa kém hiệu quả sang cây trồng hàng năm khác có giá trị kinh tế cao; phát triển diện tích trồng lúa hàng hóa chất lượng cao như: nếp hương, nếp liêu, DS1... đạt trên 80 ha/năm tại các xã Phi Hải, Độc Lập, Tiên Thành, Bế Văn Đàn... Dự kiến kinh phí hỗ trợ giống 1.000 triệu đồng.

- Cây mía: Duy trì diện tích 2.500 ha tại các xã (Đại Sơn, Cách Linh, Hạnh Phúc, thị trấn Hòa Thuận, Hồng Quang,...) tập trung đầu tư thâm canh tăng năng suất mía, từng bước thay đổi đưa giống mới vào sản xuất như (KK3, ROC 47...). Đầu tư nâng cấp dây truyền sản xuất, đảm bảo đáp ứng được công suất ép và nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm. Hỗ trợ giống mía, hệ thống tưới nhỏ giọt làm mô hình điểm 150 ha tại một số vùng có điều kiện. Dự kiến kinh phí thực hiện 2.500 triệu đồng.

- Cây chè: Duy trì vùng chè bản địa hiện có tại xã Độc Lập kết hợp cải tạo, chăm sóc nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị. Trồng mới diện tích một số giống chè có năng suất, chất lượng cao tại xã Độc Lập, Phúc Sen, Cai Bộ nâng tổng diện tích cây chè đến năm 2025 đạt trên 80 ha. Liên kết với Trung tâm nghiên cứu và phát triển chè Phú Thọ để thúc đẩy mở rộng phát triển vùng nguyên liệu sản xuất tập trung. Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa “chè Đoảng Pán”

hình thành sản phẩm theo chu trình OCOP. Dự kiến kinh phí hỗ trợ giống, máy sao, máy vò chè 2.500 triệu đồng.

- Cây dứa, khoai lang tím Nhật Bản, thanh long: Xây dựng mô hình sản xuất mẫu 10-20ha/loại trồng tại các xã Đại Sơn, Phúc Sen, Tiên Thành, Tự Do, Mỹ Hưng... trong năm 2021, có liên kết với các công ty, doanh nghiệp để sản xuất và bao tiêu sản phẩm, nếu mô hình cho hiệu quả sản xuất cao sẽ tiếp tục mở rộng diện tích sản xuất đạt 500 ha/loại vào năm 2022 và những năm tiếp theo. Xây dựng khu công nghiệp chế biến nông sản xuất khẩu sang Trung Quốc. Dự kiến kinh phí nhà nước hỗ trợ giống 25.000 triệu đồng. Ngoài ra, còn vốn đối ứng của Công ty, các hộ dân tham gia.

- Cây thuốc lá: Phối hợp các công ty liên kết sản xuất, phát triển mở rộng diện tích trồng thuốc lá đến năm 2025 đạt 100 ha tại các xã (Độc Lập, Phi Hải, Cai Bộ, Quảng Hưng...) tập trung đầu tư thâm canh tăng năng suất, ứng dụng quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến, chế biến công nghệ cao (lò sấy tiên tiến); sử dụng giống mới năng suất, chất lượng tốt. Liên kết sản xuất với các Công ty, đảm bảo đầu ra cho sản phẩm. Hỗ trợ giống, phân bón, xây dựng lò sấy dự kiến kinh phí 2.000 triệu đồng.

- Cây khoai tây: Liên kết sản xuất với các đơn vị bao tiêu sản phẩm, phát triển diện tích trồng khoai tây hàng hóa đạt trên 50 ha/năm tại các xã (Độc Lập, Phi Hải, Cai Bộ, Quảng Hưng... và một số xã có điều kiện). Đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, ứng dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến trong sản xuất, sử dụng giống mới năng suất cao. Dự kiến kinh phí hỗ trợ giống 7.500 triệu đồng.

- Cây ăn quả: Đầu tư chăm sóc, thâm canh diện tích cây ăn quả hiện có, phát triển trồng mới diện tích cây ăn quả như (mít, nhãn, bưởi, trám, ổi, na...) đạt 500 ha tại các xã, thị trấn. Tập trung phát triển theo hướng đầu tư quy trình công nghệ chăm sóc, cải tạo vườn cây ăn quả đã già cỗi, năng suất thấp, xây dựng các vùng sản xuất tập trung áp dụng quy trình VietGap, phát triển thương hiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng cường xúc tiến thương mại... chú trọng khâu chế biến, bảo quản. Dự kiến kinh phí hỗ trợ giống cây ăn quả 25.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ xây dựng 03 nhà, xưởng sơ chế, chế biến, sấy khô gồm (01 nhà sấy củ cải khô; 01 nhà sấy sắn, ngô; 01 xưởng chế biến chè) tại một số xã có sản phẩm hàng hóa tập trung. Dự kiến kinh phí: 2.700 triệu đồng.

- Hỗ trợ xây dựng nhà kho lạnh bảo quản hoa quả 01 cái tại xã Quảng Hưng, đây là vùng nguyên liệu sản xuất rau, củ quả tập trung cung cấp thực phẩm cho trong và ngoài huyện, để thuận tiện cho việc bảo quản, hạn chế hao hụt sản phẩm. Dự kiến kinh phí 300 triệu đồng.

- Thực hiện Đề tài xây dựng mô hình trồng, thâm canh và chế biến chè chất lượng cao gắn với sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện Quảng Hòa. Kinh phí dự kiến 2.500 triệu đồng.

- Đề tài hỗ trợ phát triển, gia tăng chế biến sâu, nâng cao giá trị cây củ cải, khoai lang gắn với chế biến củ cải khô, khoai lang sấy tại huyện Quảng Hòa: Dự kiến kinh phí thực hiện 1.500 triệu đồng.

- Đề tài Nghiên cứu nhân giống và mở rộng diện tích cây Mác Púp thành hàng hóa đặc sản đặc hữu tại các xã Độc Lập, Cai Bộ huyện Quảng Hòa. Dự kiến kinh phí 1.200 triệu đồng.

2.2. Lĩnh vực chăn nuôi

- Phát triển chăn nuôi tập trung đạt 40-50% tổng giá trị sản phẩm của ngành nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi theo hướng rút ngắn chu kỳ, giảm thời gian luân chuyển đàn, đảm bảo an toàn sinh học; thúc đẩy tốc độ tăng trưởng đàn trâu, bò; nâng cao năng lực sản xuất con giống tại chỗ, góp phần tăng thu nhập từ bán trâu, bò giống. Phối hợp với Tập đoàn TH Truemilk triển khai thực hiện dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao, phát triển đàn bò sữa quy mô đạt 10.000 con; quy hoạch xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi phục vụ dự án như: trồng cỏ chăn nuôi, ngô sinh khối tại các vùng lân cận khu vực dự án. Dự kiến kinh phí hỗ trợ giống cỏ, ngô sinh khối 10.000 triệu đồng.

- Tập trung hỗ trợ, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương phát triển chăn nuôi đại gia súc (Trâu, bò) có giá trị kinh tế cao (hỗ trợ mua con giống, xây dựng mới chuồng trại chăn nuôi, trồng cỏ...). Trong đó, tập trung phát triển chăn nuôi trâu, bò cái sinh sản trên địa bàn duy trì tổng đàn đạt 14.000 con, quan tâm cải tạo con giống nhằm nâng cao chất lượng, thể trạng đối với đàn gia súc của địa phương; tận dụng phát triển chăn nuôi trâu, bò vỗ béo xuất bán thương phẩm đối với những vùng có điều kiện và lợi thế như (Phúc Sen, Tự Do, Đại Sơn, Cách Linh,...). Đầu tư xây dựng chuồng trại và mở rộng diện tích trồng cỏ tương xứng với quy mô gia súc tại những vùng phát triển chăn nuôi tập trung.

- Phối hợp với Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư phát triển DO HOLDINGS và các đối tác xây dựng Trạm kiểm dịch và trung chuyển động vật (trâu, bò) chăn nuôi cách ly trước khi xuất bán sang Trung Quốc.

- Hỗ trợ xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị chế biến thức ăn chăn nuôi: 01 xưởng, dự kiến kinh phí 300 triệu đồng.

2.3. Lĩnh vực thủy sản

- Tiếp tục mở rộng và phát triển diện tích ao nuôi cá trên địa bàn các xã, thị trấn, đặc biệt tiếp tục mở rộng và phát triển số lượng, thể tích các lồng nuôi cá trên sông, lòng hồ thủy điện tại các xã (Độc Lập, Mỹ Hưng, Thị trấn Hòa Thuận, Tiên Thành,...) đến năm 2025 đạt trên 150 lồng nuôi; xây dựng các vùng

nuôi thủy sản hàng hóa tập trung theo mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã, trang trại theo quy mô lớn.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu cá đặc sản, cá nước sạch của địa phương.

- Thực hiện hỗ trợ con giống, lồng nuôi 80 cái, dự kiến kinh phí thực hiện 1.600 triệu đồng.

2.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, tập trung bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng hiện có. Phát triển kinh tế lâm nghiệp, trồng một số loài cây lấy gỗ như: Keo, lát, mỡ... tại những vùng có điều kiện. Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

- Thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng và có trồng bổ sung tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện với quy mô diện tích cả giai đoạn đạt 320 ha. Dự kiến kinh phí 2.100 triệu đồng.

- Hỗ trợ trồng mới rừng phòng hộ, rừng sản xuất, dự kiến kinh phí thực hiện 2.800 triệu đồng.

- Cây dược liệu: Xây dựng kế hoạch thực hiện các mô hình, dự án phát triển cây dược liệu tại các xã có điều kiện về khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp. Phấn đấu đến năm 2025 diện tích trồng mới cây dược liệu trên địa bàn huyện đạt 20 ha, gồm các loại cây chủ yếu như: Ba Kích, Kim ngân hoa, Sơn đậu căn, Giảo cổ lam, gừng, nghệ... Dự kiến kinh phí hỗ trợ giống 5.000 triệu đồng.

2.5. Chương trình mỗi xã một sản phẩm

Quan tâm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm đặc sản, đặc hữu của địa phương; có định hướng cho các chủ thể để phát triển sản phẩm theo chu trình OCOP. Thông tin, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động chủ thể quan tâm đối với các sản phẩm tiềm năng và thực hiện hỗ trợ các quy trình, thủ tục để được công nhận theo quy định. Dự kiến kinh phí thực hiện 1.000 triệu đồng.

2.6. Thành lập cơ sở sản xuất giống và các HTX NN

Xem xét, thành lập Trung tâm giống cây trồng nông lâm nghiệp, để cung cấp giống cây trồng nông lâm nghiệp đảm bảo chất lượng phục vụ nhu cầu tại địa phương. Dự kiến hỗ trợ kinh phí 500 triệu đồng.

Tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, HTX tham gia chuỗi liên kết sản xuất kinh doanh tại địa bàn huyện; tiếp cận dễ dàng nguồn lực để đầu tư phát triển.

2.7. Xây dựng các mô hình trình diễn

Phối hợp với các Công ty, Doanh nghiệp, Hợp tác xã xây dựng thực hiện trên 90 mô hình trình diễn theo chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức thực hiện để phát triển nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả. Dự kiến kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình 1.800 triệu đồng.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sản xuất nông nghiệp nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cán bộ, đảng viên và nhân dân với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thực trạng, những hạn chế, yếu kém trong sản xuất nông nghiệp hàng hoá hiện nay; tiềm năng, cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập và phát triển. Từ đó, thống nhất cao về những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp; tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động, thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp hàng hoá, chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, sản xuất theo tiêu chuẩn, dựa trên tiến bộ khoa học, công nghệ để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. Về công tác quy hoạch, kế hoạch

Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn phù hợp với điều kiện của địa phương để thực hiện Đề án có hiệu quả. Chuyển đổi những cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp sang sản xuất hàng hóa có hiệu quả cao. Điều chỉnh một số diện tích đất lúa không chủ động nước tưới, đất trồng cây có hiệu quả thấp để tạo quỹ đất phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực, có lợi thế của huyện theo vùng quy hoạch gắn với liên kết sản xuất hàng hóa và xây dựng vùng sản xuất vừa và lớn. Khuyến khích liên kết sản xuất, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất; nơi có điều kiện thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất tạo vùng sản xuất chuyên canh tập trung có diện tích lớn.

3. Về công tác đào tạo

Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nông nghiệp cho lao động nông thôn phục vụ sản xuất hàng hóa chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng yêu cầu sản xuất theo quy trình kỹ thuật công nghệ cao. Công tác đào tạo nghề phải gắn với các chương trình dự án, các vùng sản xuất sản phẩm hàng hóa tập trung, hợp tác xã, các làng nghề sản xuất. Trong giai đoạn này, dự kiến mở 38 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nội dung đào tạo về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, như: nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò; trồng và chăm sóc Thanh Long, dưa, khoai lang tím nhật bản, nuôi cá lồng bè nước ngọt;...

4. Về ứng dụng khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nhằm thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng, giá trị. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tập trung chuyên giao, ứng dụng tiến bộ khoa học về giống cây trồng, vật nuôi theo lợi thế của từng địa phương; tăng tỷ lệ sử dụng giống mới, giống ngắn ngày, ứng dụng quy trình sản xuất thâm canh tăng năng suất; đẩy mạnh cơ khí hóa, tự động hóa trong sản xuất, chế biến sản phẩm.

Đưa các máy móc, thiết bị hiện đại để phục vụ các khâu chế biến, nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp, cụ thể như: máy sao, máy vò chè; máy ép tinh dầu hồi; xưởng chế biến thức ăn chăn nuôi; máy sấy nông sản, khoai lang, củ cải; đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất mía đường.

5. Về chế biến nông sản

Tập trung phát triển chế biến công nghiệp, chế biến công nghệ cao đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp; chế biến công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng cơ giới hóa, chế biến thủ công truyền thống áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, làng nghề; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến tinh, sâu; đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tỷ lệ xuất bán sản phẩm thô, sản phẩm sơ chế.

6. Về đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển mô hình kinh tế tập thể; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết sản xuất-chế biến-tiêu thụ sản phẩm; nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác xã, ưu tiên hợp tác xã chuyên ngành như: Hợp tác xã sản xuất chế biến chè, sản xuất rau, chăn nuôi, thủy sản; hợp tác xã chế biến lâm sản; hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. Mỗi cơ sở xây dựng 2-3 mô hình hợp tác điển hình tiên tiến cho lĩnh vực thế mạnh của mình để nhân rộng; củng cố và phát triển các tổ chức dịch vụ nông nghiệp phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp giống cây trồng, cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; thành lập Trung tâm giống cây trồng lâm nghiệp huyện để liên kết, nghiên cứu, phối hợp sản xuất tại chỗ làm dịch vụ cung cấp giống cây trồng nông lâm nghiệp phục vụ nhu cầu của địa phương.

7. Chính sách, thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp

Thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước để thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Nhất là chính sách hỗ trợ sản xuất giống, xây dựng hệ thống hạ tầng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; hỗ trợ sản xuất hàng hóa đạt tiêu chuẩn; khuyến khích phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp; đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản; tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích sản xuất hàng hóa, phát triển trang trại, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp hàng hóa, liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình

trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng vùng sản xuất hàng hoá quy mô vừa và lớn. Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về vay vốn đầu tư, đất đai, thuế và các ưu đãi theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; lồng ghép các nguồn vốn đầu tư cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Ưu tiên vốn xây dựng các cơ sở sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi; đầu tư các công trình hạ tầng giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hoá, kiên cố hoá kênh mương, xây dựng công trình thủy lợi đa mục tiêu; tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng để thu hút các nhà đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Ưu đãi, mời gọi đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến nông sản, thức ăn chăn nuôi, dự án tổ hợp sản xuất giống, các dự án chăn nuôi tập trung, giết mổ gia súc, gia cầm và hạ tầng dịch vụ, phân phối; các dự án liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản hàng hóa công nghệ cao.

8. Về thành lập mới doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp

Tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân và hệ thống chính trị về bản chất, cơ chế hoạt động của HTX kiểu mới, vai trò và lợi ích của kinh tế tập thể, HTX trong phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu hợp pháp; Tập trung tuyên truyền, vận động, khuyến khích tầng lớp thanh niên tiếp thu tiến bộ khoa học công nghệ, tham gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo mô hình HTX. Tăng cường nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, HTX; Thực hiện tái cơ cấu các HTX yếu kém, hoạt động không hiệu quả. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với HTX, tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động tổ hợp tác, HTX để nắm bắt sát tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và dự báo xu hướng phát triển kinh tế tập thể.

V. DỰ KIẾN KINH PHÍ

1. Lĩnh vực trồng trọt: 73.800 triệu đồng;
2. Chăn nuôi, thủy sản: 11.900 triệu đồng;
3. Lĩnh vực lâm nghiệp: 9.900 triệu đồng;
4. Chương trình OCOP: 1.000 triệu đồng;
5. Xây dựng cơ sở sản xuất giống: 500 triệu đồng;
6. Mô hình trình diễn: 1.800 triệu đồng.

Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025: 98.900 triệu đồng

- Ngân sách Nhà nước: các chương trình mục tiêu, hỗ trợ khác; ngân sách địa phương...

- Vốn đối ứng của các doanh nghiệp, Hợp tác xã, người dân tham gia.

(có biểu chi tiết kèm theo).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Tuyên truyền, phổ biến những nội dung của Đề án đến cán bộ và người dân nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, hưởng ứng tham gia thực hiện; tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả. Vận động nhân dân thành lập các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tạo sự liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; rà soát, phối hợp tổ chức đào tạo các ngành nghề phù hợp cho lao động nông thôn, quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên môn, tập huấn chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nhân dân; hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án. Báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp và PTNT) theo quy định.

2. Phòng Nông nghiệp và PTNT

Tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm; Phối hợp các với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các mô hình, dự án có hiệu quả; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các xã, thị trấn trong quá trình triển khai thực hiện. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho UBND huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tham mưu cho UBND huyện bố trí lồng ghép các nguồn kinh phí để triển khai tổ chức thực hiện Đề án có hiệu quả. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện thanh quyết toán nguồn vốn theo quy định. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trong việc thành lập mới Hợp tác xã.

4. Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp

Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ cho người dân về sản xuất, thâm canh các đối tượng cây trồng, vật nuôi theo định hướng phát triển của Đề án. Tư vấn, hỗ trợ người dân trong việc sử dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, cho năng suất, chất lượng tốt. Phân công cán bộ phụ trách địa bàn các xã, thị trấn. Thường xuyên theo dõi tình hình sinh trưởng và phát triển, diễn biến tình hình dịch bệnh trên các loại cây trồng, vật nuôi; kịp thời khuyến cáo, hướng dẫn cho người dân cách phòng, trừ dịch bệnh nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

Giao Trung tâm dịch vụ nông nghiệp chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND huyện thành lập Trung tâm giống cây trồng nông lâm nghiệp để phục vụ nhu cầu của địa phương.

Xác định các mô hình có lợi thế, phù hợp với điều kiện của địa phương để phối hợp với các công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã tổ chức triển khai thực hiện, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện và các tổ chức đoàn thể

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Đề án, chỉ đạo các cấp, hội phối hợp chặt chẽ với chính quyền quyền tích cực vận động đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện Đề án có hiệu quả.

Trên đây là Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc giai đoạn 2020-2025 của UBND huyện Quảng Hòa./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Hải